

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-ST  
Ngày 21-9-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Quang Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Hữu Phúc
- Bà Tô Thị Bảo Ánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối với:

- Bị cáo Trần Thanh T, sinh ngày 24/8/1988; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi thường trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nơi ở hiện tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1950 và bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1954; có vợ Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1988 và có 01 người con, sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 12/7/2023; tạm giam: Ngày 15/7/2023, có mặt.

- Bị hại: Trần Vũ Duy B1, sinh năm 1989, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện tại: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Cao Minh L, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Văn B, sinh năm 1950, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1988, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đỗ Thị P, sinh năm 1972, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện tại: ấp An Phú, xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

4. Nguyễn Văn B2, sinh năm 1978, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6/2023, Trần Thanh T đến quê vợ thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để sinh sống, do chưa tìm được việc làm nên đi đến xã A, huyện T, tìm việc làm nhưng không được. T thường vào quán nước của anh Trần Vũ Duy B1 thuộc ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nằm vắng, uống cà phê chờ xem có ai thuê gì thì làm nhưng hơn một tuần vẫn không có ai thuê. Khi nằm vắng ở quán của anh B1, T thường thấy xe ô tô tải, biển số 66C-146.25, màu sơn trắng-xanh, tải trọng 1 tấn của anh B1 thường đỗ gần Ngân hàng A Chi nhánh xã A, huyện T không người trông coi. Khoảng 09 giờ, ngày 11/7/2023, T tiếp tục đến quán nước của anh B1 nằm vắng chờ người thuê mướn nhưng vẫn không ai thuê, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T thấy chiếc xe ô tô tải trên đỗ cách chỗ T nằm vắng khoảng 1m không người trông giữ, cửa xe (bên người ngồi điều khiển) mở, nằm vắng được một lúc do bị muỗi đốt nên T đi lại và lên xe ngủ, lúc này T phát hiện ổ khoá xe vẫn còn cắm chìa khoá, ngủ đến khoảng 22 giờ cùng ngày T nảy sinh ý định lấy trộm xe ô tô trên nhưng chưa thực hiện, do lúc đó trên đường vẫn còn người qua lại. Đến khoảng 02 giờ ngày 12/7/2023 thấy trời khuya, trên đường vắng người qua lại, T ngồi dậy dùng tay phải mở chìa khoá xe ô tô tải, nổ máy điều khiển xe chạy đến thành phố Hồ Chí Minh tìm nơi tiêu thụ, khi đến đoạn gần ngã tư đèn xanh, đỏ thuộc ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do nhiên liệu phương tiện còn ít nên điều khiển xe vào khoảng đất trống, đỗ xe theo lề phải theo hướng di chuyển, lúc này T phát hiện tám giấy màu trắng dán phía trước đầu xe ô tô tải có dòng chữ “Hưng Gia P1 - 0931017794” và bên thân thùng xe chở hàng phía sau có dán decal số điện thoại "0969717563" của chủ xe ô tô tải nên T dùng tay tháo tám giấy và decal dán số điện thoại trên xuống vì sợ người dân phát hiện sẽ điện báo cho chủ xe, tháo xong T thấy trên miếng chắn nắng của xe ô tô tải có một túi nylon màu trắng - xanh, kiểm tra thấy giấy đăng ký, giấy đăng kiểm xe ô tô biển số 66C- 146.25 và giấy phép lái xe hạng B2

(không nhớ tên của ai do không lấy ra xem) nên lấy tất cả cát vào túi quần, sau đó chụp hình xe ô tô vừa trộm được đăng lên mạng bán, đăng xong T đi bộ về hướng chợ T3 vào quán cà phê uống nước và nằm ngủ.

Đến khoảng 07 giờ ngày 12/7/2023, thông qua số điện thoại mà T đăng bán xe, có người truy cập và điện thoại bằng Z cho T hỏi: “Xe này định bán bao nhiêu?”, T trả lời: “Xe này 17.000.000 đồng được không? Mà anh ở đâu?”, người này nói tiếp “Tôi ở S, anh gọi định vị, vị trí đi tôi xuống coi xe rồi nói giá sau”; T đồng ý và chụp gửi vị trí cho người hỏi mua. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, người thanh niên trên điện thoại bằng Z nói với T “Khoảng 02 tiếng nữa tôi xuống đến”. Do không có tiền trong người nên T điện thoại hỏi mượn tiền người quen nhưng không được, T đi xung quanh chợ T3 để chờ người mua xe đến xem xe và T sợ bị phát hiện nên không dám đến gần chỗ đậu xe. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, lực lượng Công an xã T, huyện T phát hiện phương tiện bị mất trộm và T có biểu hiện nghi vấn bỏ chạy nên tiến hành truy bắt và đưa về trụ sở làm việc. Tại đây T thừa nhận hành vi như đã nêu trên; tuy không có giấy phép lái xe nhưng do T đã từng làm phụ lái xe (lơ xe) nên có thể điều khiển xe từ xã A, huyện T đến xã T, huyện T. Khi chuẩn bị bán xe ô tô tải vừa trộm được nêu trên thì bị lực lượng Công an bắt giữ và giao nộp các giấy tờ liên quan cho Công an xác minh, điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, biển số 66C-146.25, màu sơn trắng-xanh, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng kiểm xe ô tô số 3878876; 01 giấy phép lái xe hạng B2, do Sở G cấp cho Trần Vũ Duy B1; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 000044 do Công an thành phố H, cấp cho Cao Minh L; 01 miếng giấy dán màu trắng có dòng chữ màu đen ghi chữ số “Hưng Gia P1-0931017794”; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VSMART, màu tím, không kiểm tra chất lượng bên trong của T dùng để đăng ảnh bán ô tô tải trộm được lên mạng bán.

Kết luận định giá số 21/KL-ĐGTS, ngày 14/7/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 xe ô tô tải, biển số kiểm soát 66C-146.25, màu sơn trắng-xanh, đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm định giá là 112.000.000 đồng.

Biên bản kiểm tra điện thoại nhãn hiệu VSMART của T thể hiện: trang Web [www.thumuacuongphat.com](http://www.thumuacuongphat.com), T vào để đăng ảnh xe ô tô tải trộm; Việc kết bạn trên mạng xã hội zalo với cửa hàng V và thực hiện liên hệ giao dịch mua bán ô tô trộm; Việc gửi vị trí để cơ sở thu mua đi theo định vị đến để trao đổi mua bán xe ô tô tải; Các cuộc gọi bị nhỡ của cơ sở thu mua điện cho T.

Tại Cáo trạng số: 36/CT-VKS-TN ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Thanh T, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Trần Thanh T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường ngày 13/7/2023 của Công an huyện T và Bản ảnh hiện trường; Kết luận định giá tài sản số: 21/KL-ĐGTS, ngày 14/7/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 02 giờ, ngày 12/7/2023 bị cáo Trần Thanh T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên lén lút trộm xe ô tô tải biển số 66C- 146.25, màu sơn trắng-xanh, tải trọng 1 tấn của anh Trần Vũ Duy B1 đang đỗ tại quán nước của anh B1 thuộc ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, điều khiển xe đến thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ. Khi đến địa phận chợ T3 thuộc ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị cáo dùng điện thoại VSMART

chụp, đăng xe ô tô tải vừa trộm được lên mạng bán, đồng thời liên lạc và chờ người mua đến xem xe nhưng chưa thực hiện được việc bán xe thì bị lực lượng công an phát hiện mời về trụ sở làm việc, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như nội dung đã nêu trên theo Kết luận định giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 112.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo nghề nghiệp làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính, gia đình có ông nội Trương Văn S là liệt sỹ và anh Trần Thanh T2 đang công tác trong quân đội của Sư đoàn G1 thuộc Quân đoàn 4 nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại B1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo T bồi thường nhiên liệu và miếng dán decal số điện thoại “0969717563” trên xe ô tô tải bị mất nên không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, biển số 66C-146.25, màu sơn trắng-xanh, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng kiểm xe ô tô số 3878876; 01 giấy phép lái xe hạng B2, do Sở G cấp cho Trần Vũ Duy B1; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 000044 do Công an thành phố H, cấp cho Cao Minh L; 01 miếng giấy dán màu trắng có dòng chữ màu đen ghi chữ số “Hung Gia P1-0931017794”. Quá trình

điều tra xác định xe mô tô trên thuộc sở hữu của Cao Minh L đã bán lại cho bị hại Trần Vũ Duy B1 vào năm 2022 giá 140.000.000đ nhưng chưa sang tên nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại Bằng xe ô tô và tất cả vật chứng nêu trên xong, bị hại Bằng không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VSMART, màu tím, không kiểm tra chất lượng bên trong của bị cáo T dùng để đăng ảnh bán ô tô tải trộm được lên mạng bán. Xét thấy, vật chứng nêu trên thuộc sở hữu của bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc bán tài sản trộm nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với các miếng decal dán số điện thoại của xe ô tô nêu trên, bị cáo T khai tháo ra và ném ở đoạn gần ngã tư đèn xanh, đỏ thuộc ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, Cơ quan điều tra tiến hành tìm kiếm thu hồi nhưng không được nên không xem xét.

[8] Đối với Cửa hàng V, địa chỉ số C, P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và người liên hệ mua bán phương tiện xe ô tô nêu trên với bị cáo T qua số điện thoại 0967465782. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh với Công an phường E, quận H, thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn không có Cửa hàng vận tải Cường Phát như địa chỉ nêu trên và không xác định được người liên hệ trao đổi mua bán với bị cáo T theo số điện thoại trên, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 12 tháng 7 năm 2023.

**2.** Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu VSMART, màu tím, đã tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

**3.** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Nông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tam Nông;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Hứa Quang Thông**